

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-3-2021.  
“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 09/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2021/TLST - HN ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST - HN ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc TH, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp Khánh Phát, xã KH, huyện PC, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Hồ Thị UC (NC), sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Q, xã QT, huyện PS, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay:

Tổ 02, khóm C, phường B, thành phố K, tỉnh An Giang.

Tổ 08, xã T, huyện H, tỉnh B.

Anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Ngọc TH trình bày:*

Anh (Lê Ngọc TH) và chị Hồ Thị UC (NC) quen biết nhau vào năm 1999; hôn nhân không có đăng ký kết hôn, anh và chị UC sanh 01 con chung tên: Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001 (Đã trưởng thành).

Tài sản chung - nợ chung: Anh TH khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hồ Thị UC (NC) trình bày:*

Chị và anh Lê Ngọc TH quen biết nhau vào năm 1999, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Về con chung: chị và anh TH sanh được 01 con chung tên Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001 (Đã trưởng thành).

*Về tài sản chung - nợ chung:* Chị UC (NC) khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng chị UC (NC) đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu kiện của anh TH.

Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử công bố:

Lời khai của anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC).

Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã QT, huyện PS, tỉnh An Giang ngày 02/02/2021;

Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã KH, huyện PS, tỉnh An Giang ngày 23/02/2021.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

***Việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

*\* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS năm 2015.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện:*

Nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh TH trình bày:

Vào năm 1999, ông và bà UC tự quen nhau và sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông TH yêu cầu:

Về hôn nhân: xin được ly hôn với bà UC.

Về con chung: 01 người con chung tên Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Hồ Thị UC (NC): Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn, con chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng và nay chị đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của ông TH.

Về con chung: tên Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001 (Đã trưởng thành).

Tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc gia đình nên ông TH và bà UC có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Công văn phúc đáp số 12 ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã QT và Công văn số 45 ngày 23/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã KH cho Tòa án, thể hiện: Qua rà soát sổ lưu hộ tịch của địa phương của địa phương không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Lê Ngọc TH và bà Hồ Thị UC.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

Năm 1999, ông Lê Ngọc TH và bà Hồ Thị UC tự tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông TH và bà UC là vợ chồng.

*Về con chung:*

Có một con chung tên Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001 (Đã trưởng thành), không đề cập đến giải quyết.

*Tài sản chung, nợ chung:*

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị tuyên không công nhận ông TH và bà UC (NC) là vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

Anh Lê Ngọc TH khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị UC (NC) Đồng thời, chị UC có thời gian cư ngụ trên địa bàn thành phố K và có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý giải quyết vụ án. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1]. Về vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

*Về nội dung:*

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC) khai thống nhau là cả hai quen biết vào năm 1999, hôn nhân không có đăng ký kết hôn.

Chứng cứ anh TH đưa ra để yêu cầu ly hôn chị UC là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tình cảm không còn và không thể hàn gắn, anh TH kiện xin ly hôn chị UC (NC).

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân xã QT, huyện PS và Ủy ban nhân dân xã KH, huyện PC, tỉnh An Giang cung cấp:

Qua rà soát sổ lưu trữ thì anh TH và chị UC không có làm thủ tục đăng ký kết hôn và không tìm thấy thông tin kết hôn.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, anh TH và chị UC chung sống với nhau từ năm 1999 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh TH và chị UC theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[3] Về con chung:*

Anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC) khai thống nhất nhau là sanh được 01 con chung tên: Lê Thị KC, sinh ngày 18/9/2001 (Đã trưởng thành), nên không đề cập đến giải quyết.

*[4] Về tài sản chung - nợ chung:*

Anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC) thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

*[5] Về án phí:*

Anh Lê Ngọc TH phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh TH đã nộp.

Chị Hồ Thị UC (NC) không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*1. [Về quan hệ hôn nhân]:*

Không công nhận anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC) là vợ chồng.

*2. [Về án phí sơ thẩm]:*

Anh Lê Ngọc TH phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004272 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; anh Lê Ngọc TH đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Chị Hồ Thị UC (NC) không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*4. [Về quyền kháng cáo]:*

Anh Lê Ngọc TH và chị Hồ Thị UC (NC) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy*

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**